

NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY VỀ TỘC NGƯỜI Ở BỘ MÔN NHÂN HỌC

LÂM BÁ NAM, NGUYỄN VĂN SỬ

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG, THẠCH MAI HOÀNG

LƯƠNG MINH NGỌC

1. Sự chuyển đổi từ Dân tộc học sang Nhân học

Bộ môn Dân tộc học trước đây và Bộ môn Nhân học hôm nay thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, là một trong những đơn vị nghiên cứu và đào tạo hàng đầu về lĩnh vực Dân tộc học/Nhân học ở Việt Nam. Lịch sử xây dựng, phát triển và chuyển đổi của Bộ môn trong những thập kỷ vừa qua là một quá trình phát triển và chuyển đổi từ Dân tộc học như một chuyên ngành của khoa học Lịch sử thành Nhân học như một ngành khoa học độc lập. Quá trình này được đánh dấu bằng các mốc chính sau.

- Năm 1960: Tổ chuyên môn Dân tộc học được hình thành thuộc Bộ môn Lịch sử Việt Nam Cận hiện đại, Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội, sau đó sáp nhập với tổ chuyên môn Khảo cổ học thành Bộ môn Dân tộc học - Khảo cổ học.

- Năm 1967: Trên cơ sở tách Bộ môn Dân tộc học - Khảo cổ học thành lập Bộ môn Dân tộc học và Bộ môn Khảo cổ học thuộc Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

- Năm 2004: Đổi tên Bộ môn Dân tộc học thành Bộ môn Nhân học thuộc Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2010: Thành lập Bộ môn Nhân học trực thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội trên cơ sở tách Bộ môn Nhân học từ Khoa Lịch sử.

2. Nghiên cứu và đào tạo từ năm 1960 đến năm 2012

2.1. Nền tảng học thuật của đội ngũ giảng viên

Trong lịch sử xây dựng và phát triển của Bộ môn Dân tộc học hôm qua và Bộ môn Nhân học hôm nay có tổng cộng 20 giảng viên đã và đang công tác ở Bộ môn. Vào thời điểm năm 2012, Bộ môn Nhân học có 12 cán bộ, trong đó có 10 giảng viên (gồm 04 PGS. TS, trong đó có 02 NGƯT), 02 Tiến sĩ, 03 Thạc sĩ, 01 Cử nhân là giảng viên chính.

Đội ngũ giảng viên của Bộ môn được đào tạo ở trình độ sau đại học dù ở trong nước hay nước ngoài đều thuộc hai truyền

thông là Dân tộc học theo mô hình các nước xã hội chủ nghĩa và Nhân học ở các nước phương Tây¹. Trong đó, có 14 giảng viên được đào tạo sau đại học về Dân tộc học ở Việt Nam và ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và 06 giảng viên được đào tạo sau đại học về Nhân học ở các quốc gia phương Tây. Nền tảng đào tạo từ các truyền thống học thuật khác nhau có ảnh hưởng đến các

mối quan tâm học thuật của đội ngũ cán bộ giảng viên ở Bộ môn.

2.2. Số lượng sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh

Tổng số sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của Bộ môn tính từ năm 1967 đến năm 2012 là 670 người (không tính những sinh viên, học viên không tốt nghiệp) (xem Bảng 1).

Bảng 1. Các chương trình đào tạo và kết quả đào tạo

STT	Tên chương trình đào tạo	Ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Cử nhân theo định hướng chuyên ngành Dân tộc học	Lịch sử	383	1967-2011
2	Thạc sĩ Dân tộc học	Lịch sử	60	Từ 1997
3	Tiến sĩ Dân tộc học	Lịch sử	27	Từ 1985
4	Cử nhân Nhân học	Nhân học	200	Từ 2009
5	Thạc sĩ Nhân học	Nhân học		Từ 2013
6	Tiến sĩ Nhân học	Nhân học		Từ 2013

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

¹ Khi xét về đối tượng nghiên cứu và phạm vi bao quát thì có ít nhất bốn truyền thống Nhân học nổi bật là: (i) Nhân học Bắc Mỹ và Úc; (ii) Nhân học xã hội ở Anh; (iii) Dân tộc học ở các nước xã hội chủ nghĩa và hậu xã hội chủ nghĩa; và (iv) Dân tộc học ở Pháp. Tuy nhiên, nếu xét dưới góc độ vị trí của ngành học thì chúng ta thấy có hai khuynh hướng. Khuynh hướng thứ nhất coi Nhân học (theo truyền thống ở Bắc Mỹ, Úc), Nhân học xã hội (theo truyền thống ở Anh) và Dân tộc học (theo truyền thống ở Pháp) là một ngành khoa học độc lập. Khuynh hướng thứ hai coi Dân tộc học (như ở các quốc gia Xô-viết, Việt Nam, Trung Quốc...) chỉ là một chuyên ngành của khoa học Lịch sử.

Như vậy, trong vòng 44 năm, tổng số sinh viên theo học Dân tộc học ở trình độ đại học đạt gần 400 người. Khi triển khai đào tạo trình độ đại học ngành Nhân học, chỉ trong 4 khóa đầu Bộ môn Nhân học đã có gần 200 sinh viên theo học.

2.3. Thống kê các môn học đại học và sau đại học

Chương trình đào tạo chuyên ngành Dân tộc học thuộc ngành Lịch sử (hiện chỉ còn đào tạo ở trình độ tiến sĩ) cho thấy các môn học về tộc người chiếm tỷ lệ cao trong

tổng số các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo. Các môn học này tập trung vào nhiều khía cạnh khác nhau của tộc người: tính tộc người, thành phần tộc người, quan hệ tộc người, chính sách dân tộc, nhân khẩu tộc người và các vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người.

Từ năm 2009, Bộ môn Nhân học bắt đầu đào tạo trình độ đại học ngành Nhân học.

Năm 2012, chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Nhân học cũng được ban hành và Bộ môn đã xây dựng xong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Nhân học thuộc ngành Nhân học. Trong tất cả các chương trình đào tạo ngành Nhân học ở các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, số lượng môn học về tộc người giảm, các môn học về những chủ đề khác nhau của ngành học gia tăng.

Bảng 2. So sánh các môn học về tộc người trong chương trình đào tạo về Dân tộc học và Nhân học

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1	Dân tộc học	9/11 = 81,82%	6/8 = 75%	6/9 = 66,67%
2	Nhân học	9/31 = 29,03%	9/18 = 50%	3/15 = 20%

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

Các môn học trong chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ nhân học cho thấy tộc người dù vẫn là một trong những chủ đề quan trọng, nhưng số lượng các môn học về tộc người giảm, chiếm tỷ lệ thấp hơn so với các môn học trong các chương trình đào tạo chuyên ngành Dân tộc học thuộc ngành Lịch sử. Thay vào đó, các môn học mới về nhiều chủ đề khác nhau tập trung vào các khía cạnh sinh học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của con người như hình thể, ngôn ngữ và chữ viết, tôn giáo, thân tộc, hôn nhân, gia đình, sinh thái, phát triển... cùng với các môn học về lịch sử, lý thuyết, phương pháp và thiết kế nghiên cứu của ngành Nhân học đã được đưa vào chương trình đào tạo ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

2.4. Thống kê công trình nghiên cứu về tộc người

2.4.1. Kết quả nghiên cứu của đội ngũ giảng viên

Con số thống kê chưa đầy đủ cho thấy đội ngũ giảng viên của Bộ môn cho đến nay đã công bố tổng cộng 609 ấn phẩm khoa học, bao gồm 108 đầu sách và chương sách và 501 bài tạp chí và báo cáo hội thảo khoa học.

Trong số 108 đầu sách và chương sách bằng tiếng Việt, Anh, Nga và Pháp, phân loại của chúng tôi cho thấy số ấn phẩm theo cách tiếp cận tộc người chiếm 67,59% (73/108 ấn phẩm); ấn phẩm theo cách tiếp cận chủ đề chiếm 27,78% (30/108); chỉ có 4,63% ấn phẩm tập trung theo cách tiếp cận khu vực (xem Bảng 3).

Trong số 501 bài tạp chí và báo cáo hội thảo khoa học, có 387 ấn phẩm về tộc người, chiếm 77,25%, số 114 ấn phẩm còn lại chiếm 22,75% tập trung vào các chủ đề và một phần nhỏ là vào khu vực (xem Bảng 4).

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên của Bộ môn còn thực hiện hơn 40 đề tài và dự án nghiên cứu² (xem Bảng 5). Các đề tài và dự

án thiên về tiếp cận theo chủ đề/vấn đề hơn là tiếp cận theo tộc người. Nguyên nhân chính của tình trạng này có lẽ là để các đề tài ấy dễ được xét duyệt kinh phí. Bên cạnh đó, như chúng tôi đã và sẽ phân tích, tiếp cận theo chủ đề vẫn là cách phổ biến trong các ngành khoa học xã hội trong khi tiếp cận theo tộc người chỉ phổ biến trong truyền thống Dân tộc học theo mô hình Xô-viết.

Bảng 3. Phân loại sách và chương sách của giảng viên

STT	Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tộc người	73	67,59
2	Vấn đề (và khu vực)	35	32,41
	Tổng cộng	108	100

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

Bảng 4. Phân loại bài tạp chí và báo cáo hội thảo

STT	Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tộc người	387	77,25
2	Vấn đề (và khu vực)	114	22,75
	Tổng cộng	501	100

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

Bảng 5. Phân loại đề tài và dự án nghiên cứu

STT	Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tộc người	13	32,50
2	Vấn đề (và khu vực)	27	67,50
	Tổng cộng	40	100

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

² Không tính các đề tài, dự án bên ngoài mà chúng tôi chưa thống kê được.

2.4.2. *Kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên*

Tổng số người học ở Bộ môn thuộc các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ đã thực hiện nghiên cứu để tốt nghiệp (1967 - 2012) là 440. Trong đó, có 21 luận án tiến sĩ, 36 luận văn thạc sĩ và 383 khóa luận tốt nghiệp của sinh viên.

Ở trình độ tiến sĩ, trong số 21 luận án thì có tới 90,5% (19/21 luận án) tập trung vào

vấn đề tộc người, chỉ có 9,5% (2/21 luận án) tập trung vào chủ đề và khu vực. Còn ở trình độ đào tạo thạc sĩ, tỷ lệ các luận văn tập trung vào vấn đề tộc người giảm còn 61% (22/36 luận văn), số luận văn tập trung vào chủ đề và khu vực tăng lên, chiếm gần 39% (14/36 luận văn). Trong khi đó, ở trình độ đại học, số khóa luận tốt nghiệp tập trung vào tộc người giảm thêm, chiếm 60,3% (231/383 khóa luận). Các bảng sau sơ đồ hóa các số liệu này.

Bảng 6. Phân loại luận án tiến sĩ

STT	Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tộc người	19	90,5
2	Vấn đề	1	4,75
3	Khu vực	1	4.75
	Tổng cộng	21	100

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

Bảng 7. Phân loại luận văn thạc sĩ

STT	Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tộc người	22	61
2	Vấn đề	11	30,6
3	Khu vực	3	8,4
	Tổng cộng	36	100

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

Bảng 8. Phân loại khóa luận tốt nghiệp

STT	Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tộc người	231	60,3
2	Vấn đề	105	27,4
3	Khu vực	47	12,3
	Tổng cộng	383	100

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

2.5. Phân loại ấn phẩm của giảng viên và người học theo từng tộc người

Như đã trình bày ở trên, trong tổng số 609 ấn phẩm khoa học dưới dạng sách, chương sách, bài tạp chí và báo cáo hội thảo khoa học của đội ngũ giảng viên của Bộ môn, có 460 ấn phẩm về tộc người. Số ấn phẩm này có thể được phân loại thành hai nhóm, một nhóm gồm 180/460 ấn phẩm (chiếm 39,13%) đề cập đến tộc người và các tộc người nói chung và một nhóm gồm 280/460 ấn phẩm (chiếm 60,87%) đề cập đến 18 tộc người cụ thể, tập trung chủ yếu vào khu vực miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên. Trong đó, xét về số lượng ấn phẩm, dân tộc đa số là người Kinh đứng đầu danh mục các tộc người được nghiên cứu, tiếp đến là người Thái, Mường, Tày, Gia-rai, Hmông và Dao. Các tộc người còn lại có số lượng ấn phẩm không nhiều. Điều này cho thấy tri thức chuyên gia của đội ngũ giảng viên của Bộ môn Nhân học tập trung vào các tộc người Kinh, Thái, Mường, Tày, Gia-rai, Hmông và Dao.

Phân tích kết quả nghiên cứu của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh dưới các dạng khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án cho thấy sự thống lĩnh của cách tiếp cận theo tộc người. Trong tổng số 440 công trình khoa học của người học, gồm 383 khóa luận tốt nghiệp của sinh viên (1967 - 2011), 36 luận văn thạc sĩ (1997 - 2012) và 21 luận án tiến sĩ (1985 - 2012), có 271 công trình tập trung phân tích các vấn đề tộc người. Kết quả phân loại cũng cho thấy, bên cạnh một số ít công trình bao quát các tộc người hoặc vấn đề tộc người nói chung, số còn lại đề cập đến 26 tộc người cụ thể. Trong đó, có 7 tộc

người thu hút nhiều công trình khoa học của người học là Thái, Kinh, Tày, Dao, Mường, Hmông và Nùng (xem Bảng 9). Số 19 tộc người còn lại, gồm có Sán Dìu, Sán Chay, Ê-đê, Khơ-mú, Lô Lô, Giáy, Phù Lá, Chăm, La Ha, Ba-na, Khơ-me, Lào, Pà Thẻn, Hoa, Thổ, Mạ, Hà Nhì, La Chí, Gia-rai có ít công trình khoa học hơn, dao động từ 1 đến 6 công trình nghiên cứu/tộc người.

Định hướng nghiên cứu của người học như được thể hiện qua các khóa luận tốt nghiệp, luận văn cao học và luận án tiến sĩ không chỉ là sự phản ánh rõ nét định hướng và mối quan tâm học thuật của người học, mà quan trọng hơn còn thể hiện ảnh hưởng của người dạy đối với người học ở khâu chọn đề tài nghiên cứu, vì đây cũng là các tộc người được đội ngũ giảng viên của Bộ môn Nhân học quan tâm nghiên cứu, như được thể hiện ở Bảng 8.

Có thể nói, các ấn phẩm khoa học của đội ngũ giảng viên và người học ở Bộ môn Nhân học xét dưới góc độ địa bàn nghiên cứu cho thấy chủ yếu tập trung vào Việt Nam, nhất là ở khu vực miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên, rất ít nghiên cứu về các tộc người ở bên ngoài biên giới quốc gia. Xét dưới góc độ tiếp cận, có rất nhiều nghiên cứu tiếp cận theo tộc người, tập trung vào các vấn đề văn hóa, kinh tế, xã hội và chính trị tộc người, quan hệ tộc người và quá trình tộc người. Chỉ có một số rất ít các ấn phẩm giới thiệu về ngành học, bàn về lịch sử, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của Dân tộc học. Thực tế này phần nào giải thích thực trạng yếu và thiếu về lý thuyết, phương pháp nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu của người học ở cả trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

Bảng 9. Phân loại ấn phẩm khoa học của giảng viên theo tiêu chí tộc người

STT	Tộc người	Ấn phẩm
1	Kinh	150
2	Thái	59
3	Mường	22
4	Tày	8
5	Gia-rai	8
6	Hmông	7
7	Dao	6
8	Ba-na	5
9	Nùng	4
10	Tà-ôi	3
11	Khơ-me	2
12	Bru-Vân Kiều	2
13	Ê-đê	1
14	Khơ-mú	1
15	Lào	1
16	Lô Lô	1
17	Si La	1
18	Pà Thên	1
19	Về tộc người nói chung	180
	Tổng cộng	279

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

Bảng 10. Bảy tộc người thu hút nhiều công trình khoa học của người học

STT	Tộc người	Số công trình khoa học
1	Thái	71
2	Kinh	51
3	Tày	33
4	Dao	33
5	Mường	29
6	Hmông	28
7	Nùng	22

Nguồn: Kết quả thống kê của các tác giả.

3. Một số nhận xét về nghiên cứu và đào tạo về tộc người ở Bộ môn Nhân học

Thứ nhất, nghiên cứu và giảng dạy ở Bộ môn Nhân học trong những thập kỷ vừa qua phản ánh thực tiễn của chuyên ngành Dân tộc học ở Việt Nam. Trong những thập kỷ đầu xây dựng và phát triển theo mô hình Dân tộc học Xô-viết, Dân tộc học được coi là một trong các chuyên ngành của khoa học Lịch sử, kiến thức về Dân tộc học chỉ là một trong các khối kiến thức của chương trình đào tạo mà người học phải tích lũy³. Các môn học này chủ yếu là về các tộc người, nhất là các tộc người ở Việt Nam, phản ánh đúng đối tượng nghiên cứu của chuyên ngành là “một ngành của khoa học xã hội và nhân văn mà đối tượng nghiên cứu là các tộc người”, mà cụ thể ở Việt Nam, nó là “một khoa học nghiên cứu về các tộc người và văn hóa tộc người thuộc phạm trù của khoa học Lịch sử” [Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên), 1998, tr. 3 và 6].

Thứ hai, trong bối cảnh đổi mới ở Việt Nam, các ngành khoa học xã hội và nhân văn bắt đầu chuyển đổi, hội nhập với khu vực và thế giới. Kết quả là không chỉ có các ngành học mới được xây dựng ở Việt Nam, như Công tác xã hội, Quốc tế học, Du Lịch học, Đông phương học... mà còn có một số ngành/chuyên ngành cũng được đổi mới.

³ Chẳng hạn, với chương trình đào tạo bốn năm ở bậc đại học, ba năm đầu sinh viên phải hoàn thành khối kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức ngành Lịch sử, chỉ đến năm thứ tư sinh viên mới được học về Dân tộc học, trong đó có một học kỳ học các môn học và một học kỳ thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Tương tự, với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Dân tộc học, học viên phải học các môn học về triết học, ngoại ngữ và kiến thức ngành Lịch sử trong một năm đầu, thời gian còn lại là học các môn học về chuyên ngành Dân tộc học và thực hiện luận văn tốt nghiệp.

Với Dân tộc học, từ cuối những năm 1990 sự chuyển đổi của Dân tộc học sang Nhân học như đã diễn ra ở Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh sự phát triển của một chuyên ngành thành một ngành học có “đối tượng nghiên cứu là con người”. Theo đó, các môn học của chương trình đào tạo ở các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Nhân học cũng được mở rộng, bao quát nhiều chủ đề; mỗi chủ đề (trong đó có tộc người) là một cửa sổ để tìm hiểu về con người, về văn hóa và xã hội loài người⁴.

Thứ ba, đội ngũ giảng viên từ những năm 1990 đã được bổ sung thêm với những cán bộ được đào tạo sau đại học về Nhân học theo truyền thống Nhân học phương Tây, nên nghiên cứu của họ cũng không còn chỉ giới hạn ở cách tiếp cận theo tộc người, mà thiên về tiếp cận theo các chủ đề.

Thứ tư, từ những chuyển đổi về đội ngũ giảng viên, về trọng tâm và cách tiếp cận của chương trình đào tạo, chúng tôi tiên đoán rằng sản phẩm nghiên cứu của cả người dạy và người học cũng sẽ chuyển đổi theo hướng nêu trên.

4. Triển vọng và thách thức của đào tạo và nghiên cứu theo tộc người trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Chúng tôi không quan niệm nghiên cứu sâu rộng về tộc người là một hạn chế. Thay vào đó, trong bối cảnh các quốc gia đa tộc người như ở Việt Nam thì nghiên cứu sâu rộng về tộc người và theo cách tiếp cận tộc người sẽ mang lại cho các nhà nghiên

⁴ Về các tên gọi và các truyền thống nghiên cứu của Nhân học, xem thêm: Nguyễn Văn Sửu (2011), “Một số nhận xét về tên gọi, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Nhân học”, trong: *Một chặng đường nghiên cứu Lịch sử (2006-2011)*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 87-102.

cứu một vị trí học thuật độc đáo và một tiếng nói chính sách quan trọng so với các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác ở Việt Nam đương đại. Nhưng nếu chỉ dừng lại hay quá tập trung vào vấn đề tộc người và tiếp cận theo tộc người trong chương trình đào tạo và các dự án nghiên cứu thì ở góc độ của một đơn vị đào tạo và nghiên cứu sẽ tạo ra những hạn chế và gặp phải thách thức ở một số khía cạnh.

Thứ nhất, khi chỉ tập trung hoặc quá tập trung vào vấn đề tộc người và theo cách tiếp cận tộc người, trong bối cảnh bị giới hạn và chi phối mạnh mẽ bởi biên giới chính trị, thì sự hội nhập trong đào tạo, nghiên cứu và trao đổi học thuật với thế giới bên ngoài sẽ bị ảnh hưởng. Vì ở nhiều quốc gia khác, chính quyền nhà nước và các nhà khoa học không có một sự phân định rạch ròi mang tính chính thức và có sự đồng thuận cao về thành phần tộc người/dân tộc và dĩ nhiên trong khuôn khổ của khu vực châu Á thì có ít các tộc người xuyên quốc gia, tức các tộc người giống nhau ở các quốc gia khác nhau.

Thứ hai, trong khi đó, tập trung vào chủ đề và tiếp cận theo chủ đề như giới, ngôn

ngữ, sinh kế, đô thị hóa, phát triển, y tế, tôn giáo, thân tộc, hôn nhân, gia đình, tổ chức xã hội... sẽ tạo nên những chủ đề xuyên không gian văn hóa, không gian địa lý, không gian thời gian, vì thế sẽ hội nhập tốt hơn với Nhân học ở nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Bởi lẽ, lịch sử phát triển của các truyền thống Nhân học trên thế giới cho đến hôm nay thiên về cách tiếp cận theo chủ đề hơn là cách tiếp cận theo tộc người. Dĩ nhiên, cả trong nghiên cứu và giảng dạy, dù nhấn mạnh đến chủ đề và tiếp cận theo chủ đề, ít ai lại không ý thức được những giới hạn tương đối của mỗi chủ đề trong một không gian địa lý, không gian văn hóa/tộc người và không gian thời gian cụ thể nào đó.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên) (1998), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Sửu (2011), “Một số nhận xét về tên gọi, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Nhân học”, trong: *Một chặng đường nghiên cứu Lịch sử (2006-2011)*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 87-102.